

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ AN NHIÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CÔNG NGHỆ AN NHIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CÔNG NGHỆ AN NHIÊN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110385401

**3. Ngày thành lập:** 13/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 15 Đường Liên Xã, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969628373

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế thông thường loại A,B,C;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; | 4659     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299     |
| 6.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9511     |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9512     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Thẩm định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ;<br>-Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);<br>- Tư vấn về công nghệ khác; Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... | 7490        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690        |
| 10. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá qua mạng (bán lẻ))                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4791        |
| 11. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ));                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4799        |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5210        |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7730        |
| 14. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3250        |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3312(Chính) |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3313        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314        |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ XIÊM

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033186000635

Ngày cấp: 24/02/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 15 Đường Liên Xã, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 15 Đường Liên Xã, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ XIÊM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033186000635

Ngày cấp: 24/02/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 15 Đường Liên Xã, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 15 Đường Liên Xã, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội